

Mật Tạng Bộ 3_ No.1184 (Tr.784 _ Tr.791)

ĐẠI THÁNH DIỆU CÁT TƯỜNG BỒ TÁT
BÍ MẬT BÁT TỰ ĐÀ LA NI TU HÀNH MẠN TRÀ LA
THỨ ĐỆ NGHI QUỸ PHÁP
MỘT QUYỂN

(Trích trong Phẩm **Trừ Tai Cứu Nạn Tức Chương** của Kinh **Văn Thù Bồ Tát Phổ Tập Hội**)

Phạn Hán dịch: Nước Trung Thiên Trúc, chùa Đại Na Lan Đà, Giới Hạnh Sa Môn **Bồ Đề Lạt-Sử** (Bodhi-rṣi) **Tịnh Trí Kim Cương** dịch_ Vị Tăng thân cận cầm bút ghi chép là **Nghĩa Vân** truyền lưu (Tên của vị Tam Tạng theo đất Hán này thì gọi là **Bồ Đề Tiên**)

Sưu tập Thủ Ấn, dịch âm Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo **Kim Cương Mật Tích Chủ** rằng: “**Bát Tự Tối Thắng Đại Uy Đức Tâm Chân Ngôn** đó trụ ở chỗ nào thì như Đức Phật trụ ở đời, không có khác vậy. Hay hiện mọi loại Thần Lực chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, cũng hay làm đại vô lượng Thần Thông biến hoá. Nay Ta lược khen chút phần Công Đức của **Đà La Ni** (Dhàraṇi) này. Nếu Ta nói đủ thì vô lượng câu chi na đừu đa trăm ngàn Đại Kiếp cũng chẳng thể nói hết được”

Khi ấy Đức Thế Tôn liền nói **Bát Tự Đại Uy Đức Tâm Chân Ngôn** là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Ấn, a vị la hồng, khư tả lạc**”

OM_ AH VIRA HŪM KHACARAḤ

Lại bảo Kim Cương Mật Tích Chủ rằng: “Đà La Ni này, nếu có người nam người nữ chẳng thể bày biện, làm Pháp **Thừa Sự Cúng Dường**, lại duyên Tại Gia thúc dục làm mọi loại nghiệp sinh sống, chỉ có thể nhớ nghĩ chẳng quên, y theo Thời niệm tụng, tùy phần chẳng thiếu, cúng dường chút phần, tùy theo sức của mình bày biện cũng được thành tựu. Trừ kẻ chẳng chí tâm, Tâm chẳng có niềm tin chân chính, chẳng phát Tâm **Đại Thừa Bồ Đề**, hưng hành chê bai nơi chỗ của Tam Bảo, khởi nhóm chẳng lành, hành các nghiệp ác. Tâm của nhóm này thì tất cả **Pháp nhỏ** còn chẳng được thành tựu, huống chi là có thể thành tựu **Pháp lớn** được !..

Bấy giờ Đức Như Lai lại bảo Kim Cương Mật Tích Chủ rằng: “Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện hay niệm tụng Đà La Ni này một biến, liền được tự hộ giúp.

Nếu tụng hai biến, liền hay hộ giúp Đồng Bạn

Nếu tụng ba biến, liền hộ giúp rộng lớn cho nơi cư trú. Bồ Tát **Thập Địa** (Da'sa-bhùmi) chẳng thể vượt hơn, huống chi là các chúng sinh loại nhỏ.

Nếu tụng bốn biến, liền được ủng hộ cho vợ con

Nếu tụng năm biến, liền hay ủng hộ cho tất cả quyến thuộc

Nếu tụng sáu biến, liền hay ủng hộ cho tất cả thành, ấp, thôn, phường, làng xóm...

Nếu tụng bảy biến liền hay ủng hộ cho tất cả chúng sinh, các nhóm khổ nạn...

Nếu lúc muốn mặc áo, thời nên gia trì bảy biến, hay trừ tất cả ác độc với các tai nạn.

_ Nếu lúc muốn rửa tay mặt thời gia trì vào nước sạch bảy biến, rồi rửa tay mặt... hay khiến cho chúng sinh quý ngưỡng, hết thấy các loài gây ác nhìn thấy đều sẽ hàng phục, tất cả các người đều tuân phục kính trọng, trừ tâm ác ấy, sinh Tâm vui vẻ.

_ Nếu người bị bệnh: thân thể, chi tiết đau buốt. Gia trì vào nước nóng ấm 108 biến rồi tắm rửa, tức được mộng tốt, liền trừ khỏi bệnh.

_ Nếu mỗi ngày vào lúc sáng sớm, lấy một bụm nước, gia trì bảy biến rồi uống vào trong thân thì hết thấy ác báo đều sẽ tiêu diệt, huống chi là kẻ không có tai ách với tội dơ của ba nghiệp cũng được tiêu sạch, thọ mệnh lâu dài.

_ Nếu gia trì vào thức ăn uống bảy biến thì ăn nhằm chất độc, cũng chẳng thể gây hại

_ Nếu nhìn thấy người ác, oan gia. Nên tu **niệm tụng** liền tự hàng phục, trừ nghiệp Tâm giận dữ, hướng Tâm hiền lành đến với nhau

_ Nếu có nơi chốn đáng sợ, chí thành niệm tụng, liền được không sợ hãi

_ Nếu lúc nằm thời tụng 108 biến, liền được mộng tốt, hay biết việc thiện ác

_ Nếu người bị bệnh sốt rét. Người trì tụng quán khuôn mặt của người bệnh ấy, tụng Chân Ngôn này 1008 biến, tức trừ khỏi bệnh sốt rét.

_ Nếu lúc vào trận thời nên dùng Ngưu Hoàng viết Chân Ngôn này, đeo ở trên thân thì tất cả đao, gậy, cung tên, mâu, búa chẳng thể gây thương tích làm hại.

_ Nếu lúc vào trận thời, nên vẽ tượng **Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử** với **Chân Ngôn** để trên voi, ngựa dẫn đầu trước đoàn quân thì các nhóm quân giặc chẳng thể gây hại, tự nhiên lui tan.

_ Thường tu **niệm tụng** thì hết thấy tội của nhóm: năm nghịch, bốn nặng, mười ác đều được tiêu diệt, sẽ được nhìn thấy Văn Thù Sư Lợi. Đi đứng ngồi nằm thường tu thọ trì, niệm tụng, nhớ giữ chẳng quên, mỗi lần tụng 108 biến đừng cho đoạn tuyệt... thường được tất cả chúng sinh hàng phục.

_ Nếu gia trì vào búi tóc bảy biến, thì tất cả chúng sinh nhìn thấy đều sẽ hàng phục, người ác lui tan.

_ Nếu hay mỗi ngày ba Thời, y theo Pháp vào Đạo Trường, một Thời riêng 108 biến thì sự mong cầu đều được vừa ý, viên mãn đầy đủ, được đại phú quý, chỗ hành tự

tại, lúc lân chung thời được **Phổ Môn Tam Muội** với nhìn thấy Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát”

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo Đại Chúng: “Các hàng Bồ Tát ! Nay Ta sẽ nói thứ tự Đàn Pháp của **Tối Thắng Đại Uy Đức Bát Tự Mạn Trà La**. Ông nên lắng nghe !

_ Nếu muốn dựng lập **Tức Tai Mạn Trà La**. Trước tiên nên chọn lựa đất ấy, nên tu ở chốn Già Lam thanh tịnh, hoặc ở đất thắng thượng cát tường trong núi sâu, hoặc đất ở thành, ấp, thôn xóm thắng thượng có Phước Đức, cây chớ nhựa sinh nhiều hoa quả

Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, kẻ trai lành, người nữ thiện có hạnh thâm sâu, phát Tâm **Bi Nguyện** tạo Mạn Trà La rồi tác **Bát Tự Chân Ngôn niệm tụng**, thề ở chỗ bị nạn cấp bách để cứu giúp hữu tình

Người muốn thọ trì Chân Ngôn này, trước tiên nên dò xét, tìm kiếm Đại A Xà Lê có đầy đủ Đức, hiểu biết Đạo Hạnh chân thật để thọ nhận **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka). Được Quán Đỉnh xong, cung bạch, cầu thỉnh trao truyền Pháp này, Thân nương vào sự truyền thụ mới có thể tu niệm.

_ Nếu gặp việc cấp bách đáng sợ, thì nên ở chỗ trên đường, dùng hương xoa bôi, xoa làm Mạn Trà La, chỉ viết Chân Ngôn với chữ Chung Tử, dùng quán tưởng hình sắc của Bản Tôn, tương ứng cho làm Trì Niệm ủng hộ.

_ Nếu việc chậm chạp, thì cần yếu tô vẽ. Liền dùng keo nấu bằng da thú, thuần dùng nước cốt thơm điều hoà màu sắc rực rỡ vẽ.

_ Nếu làm việc Niệm Tụng lâu dài, liền nên như Pháp: đào đất, lấy riêng đất mịn ẩm ướt màu trắng có vị ngọt, nhạt bên tốt bên bờ sông, hơi có màu đỏ vàng. Được đất rồi, dùng nước thơm hoà làm cái Đàn ấy. Y theo **Giáo** thứ tự gia trì làm.

Người thọ khéo léo ấy nên ngày ngày tắm gội trong sạch, mặc áo sạch mới, thọ nhận **Bát Quan Trai Giới** (Aṣṭāṅga-samanvāgatopavāsa) xong, mới được khởi công làm. Ngoài ra y theo Pháp trong Tát Địa, chẳng thể nói đủ.

Mạn Trà La Pháp ấy, trước tiên ngang trái tim làm một vành tròn trịa (viên luân) giống như trăng tròn.

Ngay chính giữa viết chữ **Mãn** (𑖣_Mam) của Phạm Thư. Tiếp theo thứ tự sau: mặt Bắc viết chữ **An** (𑖡_Om). Tiếp xoay theo bên phải, góc Đông Bắc viết chữ **Ha** (𑖦_Àh). Tiếp phương Đông, viết chữ **Vị** (𑖓_Vi). Tiếp góc Đông Nam, viết chữ **La** (𑖡_Ra). Tiếp phương Nam, viết chữ **Hồng** (𑖛_Hum). Tiếp góc Tây Nam, viết chữ **Khur** (𑖔_Kha). Tiếp phương Tây, viết chữ **Tả** (𑖠_Ca). Tiếp góc Tây Bắc, viết chữ **Lạc** (𑖡_Rah)

Dùng chín chữ này làm **Tôn** (Nàtha) trong **Nội Viện**.

_ Hoặc ở trong Viện, vẽ Diệu Cát Tường Đồng Tử với đỉnh đầu có tám búi tóc. Phía trước có năm búi tóc, một búi tóc trên đỉnh đầu, hai búi tóc phía sau đỉnh. Trên mỗi một búi tóc đều có thân Phật (đây gọi là **pháp vẽ tượng**)

_ Nếu cầu Phước Khánh, Lộc Vị, việc cát tường thì ngay chính giữa, viết chữ **Thất Lợi** (𑖦-'Sri)

_ Nếu cầu **Tức Tai**, trừ nạn, diệt hết bảy loại tai nạn là:

Mặt trời mặt trăng bị ăn mòn

Năm vì sao mất Độ thường ngày

Binh giặc tranh nhau dấy lên

Nước dâng, hạn hán chẳng đúng thời

Mưa gió mất độ

Bề tôi ác làm phản gây tổn hại cho quốc dân

Sói có uy lực, thú ác... ăn nuốt chúng sinh

Ngũ cốc chẳng sung túc

Tai họa như vậy, nạn cấp bách, quan phủ, ách nạn gây chết chóc, việc đáng sợ... muốn khiến cho tiên tan thì ngay chính giữa, viết chữ **Mãn** (𑖩-Mam)

_ Nếu cầu giáng phục người oán, khiến cho đời đời tốt đẹp, buông bỏ Tâm ác thì ngay chính giữa, viết chữ **Đạm** (𑖩-Dham)

_ Nếu có người ác khó giáng phục, kẻ giết loài vật để buôn bán, người săn bắn, Ngoại Đạo chẳng tin Phật Pháp. Khiến cho Tâm ác tồi diệt, hoặc khiến phá hoại thì ngay chính giữa nên viết chữ **Sất-trí-lợi** (𑖦-Sṛi) của Phạm Văn

Nói xong **Tự Môn** của Nội Viện.

_ Tiếp theo nói **Viện thứ hai**: An bày Văn Thù, Pháp an bày vị trí.

Trước mặt **Tôn**, mặt Nam vẽ **Thỉnh Triệu Đồng Tử** (Àkarṣaya, hay Àkarṣaṇi)

Tiếp góc Tây Nam, vẽ **Kế Thiết Ni Đồng Tử** (Ke'sini)

Tiếp phương Tây, phía bên phải, vẽ **Cứu Hộ Tuệ Đồng Tử** (Paritrāṇa'saya-mati)

Tiếp góc Tây Bắc, vẽ **Ô Ba Kế Thiết Ni Đồng Tử** (Upake'sini)

Tiếp mặt phía sau, phương Bắc, vẽ **Quang Võng Đồng Tử** (Jālīni-prabha)

Tiếp góc Đông Bắc, vẽ **Địa Tuệ Tràng Đồng Tử** (Vasu-mati-ketu):

Tiếp phương Đông, phía bên trái, vẽ **Vô Cấu Quang Đồng Tử** (Vimala-prabha)

Tiếp góc Đông Nam, vẽ **Bất Tư Nghị Tuệ Đồng Tử** (Acintya-mati)

Như vậy, ở tám phương của Diệu Cát Tường Đồng Chân Bồ Tát đều hướng mặt về Tôn chính giữa như thế **phụng Giáo**, đều ngồi trên hoa sen, mỗi một vị đều cỡi Sư Tử, hai tay đều cầm **Tiêu Xí Ấn Khế**. Nên vẽ như Pháp

_ Lại ở trong bốn góc ở bên ngoài **Viên Luân** (vành tròn tria) vẽ bốn vị **Phẫn Nộ Minh Vương** (Krodha-vidya-ràja)

Góc Đông Nam, vẽ **Giáng Tam Thế Cương** (Trailokya-vijaya-vajra) màu xanh có tám cánh tay. Hai tay ngang phía trước kết Ấn: Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng móc ngược nhau, còn lại nắm quyền, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ). Tay trái cầm cây cung, tai phải cầm thân mũi tên. Bên trái: một tay cầm cái chày, một tay cầm sợi dây. Bên phải: một tay cầm cây Kích, một tay cầm cây Bổng. Ba mặt, góc miệng hiện răng nanh, ngồi trong lửa nóng rực.

Góc Đông Bắc, **Vô Năng Thắng Minh Vương** (Apàrajita-vidya-ràja) có bốn cánh tay, màu xanh, ba mặt, tóc lửa dựng đứng đáng sợ. Bên phải: một tay nắm quyền dựng ngón trỏ, một tay cầm cây Tam Cổ Kích. Bên trái: một tay tác **Thí Nguyện**, một tay cầm cây Bổng, ngồi yên trên hoa sen.

Góc Tây Nam, **Diêm Mạn Đức Ca Kim Cương** (Yamàntaka-vajra) màu xanh đen, 6 cái đầu, 6 cánh tay, 6 chân...đều cầm khí tượng. Bên trái: tay bên trên cầm cây kích, tiếp theo tay bên dưới cầm cây cung, tiếp theo tay bên dưới cầm sợi dây. Bên phải: tay bên trên cầm cây kiếm, tiếp theo tay bên dưới cầm mũi tên, tiếp theo tay bên dưới cầm cây gậy. Cỡi con trâu xanh làm toà ngồi

Góc Đông Bắc vẽ **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagriva-vidya-ràja) có ba mặt, 6 cánh tay (?8 cánh tay) đều cầm khí tượng. Bên trái: tay bên trên cầm hoa sen, một tay cầm cái bình, một tay cầm cây gậy. Hai tay ngang trái tim kết Ấn Khế. Bên phải: tay bên trên cầm cây búa, một tay cầm tràng hạt, một tay cầm **Sách Luân Vương**, ngồi ngay trong hoa sen, tướng đại phẫn nộ, hiện thế cực ác mãnh lợi. Còn lại đều y theo Bản Pháp.

Tiếp theo nói **Viện Thứ Ba**, 16 vị Đại Thiên hộ bên ngoài

.) Ngay trước mặt Tôn là **Câu Bồ Tát** (tay trái nắm quyền, tay phải cầm móc câu)
[Amku'sa-bodhisatva]

Tiếp theo, phía Tây là **Diêm Ma Hậu** (Yamì)

Tiếp theo, phía Tây là **La Sát Chủ** (Nirrtih, hay Ràkṣasa-ràja))

Ngay góc là **Thiên Hương Cúng Dường Bồ Tát** (Dhùpa-pùja-bodhisatva)

Tiếp theo, phía Bắc là **La Sát Hậu** (Ràkṣasi)

Tiếp theo, phía Bắc là **Thuỷ Thiên** (Varuṇa)

.) Cửa Tây là **Sách Bồ Tát** (Pà'sa-bodhisatva)

Tiếp theo phía Bắc là **Long Thiên Hậu** (Nàgì)

Tiếp theo, phía Bắc là **Phong Thiên Vương** (Vàyu)

Góc Tây Bắc là **Hoa Cúng Dường Bồ Tát** (Puṣpa-pùja-bodhisatva)

Tiếp theo, phía Đông là **Phong Thiên Hậu** (Vàyavi)

Tiếp theo, phía Đông là **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vai'sravaṇa)

.) Phía sau Tôn, phương Bắc là **Kim Cương Toả Bồ Tát** (Vajra-sphoṭa-bodhisatva)

Tiếp theo, phía Đông là **Tỳ Sa Môn Hậu** (Vai'sravaṇi)

Tiếp theo, phía Đông là **Y Xá Na Thiên Vương** (I'sàna)

Góc Đông Bắc là **Đăng Cúng Đường Bồ Tát** (Àloka-pùja-bodhisatva)

Tiếp theo, phía Nam là **Y Xá Na Hậu** (I'sàni)

Tiếp theo, phía Nam là **Đế Thích Thiên Vương** (Indra)

.) Phương bên trái, cửa Đông là **Kim Cương Linh Bồ Tát** (Vajra-ghaṃṭa-bodhisatva)

Tiếp theo, phía Nam là **Đế Thích Hậu** (Aindrì)

Tiếp theo, phía Nam là **Hoả Thiên Thần** (Agni)

Góc Đông Nam là **Đồ Hương Cúng Đường Bồ Tát** (Gandha-pùja-bodhisatva)

Tiếp theo, phía Tây là **Hoả Thiên Hậu** (Agnayì)

Tiếp theo, phía Tây là **Diêm Ma Thiên** (Yama)

Phần bên trên là **viện thứ ba**, an bày các Tôn xong

_ Bốn cửa với **Thực Đạo** (Lối nẻo bày thức ăn uống), bốn góc đồng với các Đàn Pháp, Tính báu, cỗ cũng giống nhau. Lá hoa sen ở bốn cửa tinh tế như hoa sen xanh.

_ Lại nói **Tốc Tật Cứu Nạn Lập Thành Đàn Pháp**. Chỉ ở chốn cao nguyên, không người với không có uest ác. Hoặc nơi trống vắng (khoáng dã), hoặc đất lộ thiên trong chốn Già Lam...liền tạo dựng.

Có Pháp Thần Nghiệm, khử bỏ đất uest ác bên trên, lấy riêng đất sạch xây dựng chắc thật khiến như đá, khiến cho bằng phẳng. Dùng Bạch Đàn xoa làm hương xoa bôi như bột. Liền lấy Long Não trắng tinh, Huân Lục Hương...ngâm nhúng, lấy nước cốt như sữa. Như hương xoa bôi (đồ hương) xoa mài mặt đất, nhỏ là một khuỷu tay, tiếp theo là hai khuỷu tay, ba khuỷu tay, bốn khuỷu tay...tròn như vành trăng, chia làm bốn lớp. Chử chửng tử ở chính giữa, giáp vòng là Chân Ngôn tám chữ

Trong viện thứ hai, an bày tám vị **Đồng Tử** của Văn Thù

Viện thứ ba, an bày **bốn Nhiếp** (Câu, Sách, Toả, Linh) ở bốn cửa, bốn vị **Đại Phần Nộ Minh Vương** ở bốn góc

Viện thứ tư, bốn cửa để nước thơm, bơ, đèn, hoa trắng, sữa, cháo, lạc, cơm...cúng dường

Nếu chẳng thể bày biện, chỉ đến viện thứ hai, liền bày tám vị Thánh là bốn Nhiếp, bốn vị Minh Vương

_ Nếu duyên với quốc gia, đế vương, thân hữu bị ách nạn thì cần yếu làm **Hộ Đạo Trường**. Đàn ấy nên rộng 16 khuỷu tay, hoặc lớn đến 24 khuỷu tay.

_ Nếu duyên với năm vì sao bị mất độ, mặt trời mặt trăng liên tiếp bị ăn, **Tuệ Bội** (sao Tuệ với sao Bội) luôn luôn hiện, nước ở phương khác đến xâm chiếm cướp đoạt, Đại Thần phản nghịch, dùng binh chẳng lợi, tổn hại người trong nước, bệnh dịch lưu hành...đều làm **Đại Đàn** (Mahà-maṇḍala).

Bên trong Đàn, viện thứ hai xếp bày 12 Đại Thiên như Pháp **Xí Thịnh Quang**. Tiếp theo, viện thứ tư bày 28 Tú. Viện thứ năm bày 12 Cung Thần, bên ngoài bày bốn vị Minh Vương. Còn lại đồng với các Pháp

_ Lại nếu có Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, người nam, người nữ...hoặc quan, hoặc dân...thân gặp nguy ách, việc quan, khốn khổ vì vua chúa, khốn khổ vì bệnh, tất cả sự đáng sợ mà không có phương kế, sợ có tai nạn về đao gậy, hình ngục...thì cần phải phát Tâm Đại Bi, làm cho mọi vì sao ban đêm hạ xuống mà làm niệm tụng này. Hoặc 3 người, hoặc 5 người hoặc 7 người. Nếu muốn giáng lâm thời ngay ban đêm hướng mặt về phương Bắc, vì người kia xưng tên phát nguyện niệm tụng. Mỗi người một vạn biến liên được tiêu diệt. Nếu phỏng theo làm Trì Niệm thì nên đủ tám phương tiện mới có thể làm niệm tụng.

Liên nói **Tụng** là:

Tắm gội, mặc áo sạch

Xoa hương, nghiêm thân thể

Quy mệnh, niệm Chân Ngôn

Chí thành cung kính lễ

Đốt hương, **sám các tội**

Tuỳ Hỷ với **Khuyến Thỉnh**

Hồi Hương, phát Thệ Nguyện

Khởi sâu **Đại Từ Bi**

Như tám phương tiện này

Siêng hành đừng đời quên

Sau đó tịnh ba Nghiệp

Y Pháp làm Trì Niệm

ĐẠI THÁNH DIỆU CÁT TƯỜNG BỒ TÁT
TỐI THẮNG UY ĐỨC BÍ MẬT BÁT TỰ ĐÀ LA NI
TU HÀNH NIỆM TỤNG NGHI QUỸ THỨ ĐỆ PHÁP

Nay Ta y theo Pháp Môn thứ tự của Chân Ngôn, nói

Hành Nhân trước tiên nên theo vị A Xà Lê, được nhận Quán Đỉnh với gấn gũ truyền thụ xong và lại vào **Trì Minh Tất Địa Quán Đỉnh**, đầy đủ Từ Bi, hành **Vô Duyên Từ**, thương sót tất cả hữu tình bị khổ ách, tác Niệm Tụng này, thề sẽ cứu giúp nhỏ bứt tất cả chúng sinh bị ách nạn đáng sợ.

Nếu chúng sinh, hoặc lúc bị nạn cấp bách thời tùy theo chốn ấy, hoặc dùng hương xoa bôi, hoặc vê nấn phấn làm Đàn.

Nếu người thường niệm, cần chỉnh sửa Tinh Thất, như Pháp xây dựng Đạo Trường, mỗi mỗi như Pháp lúc trước. Hành Nhân trước tiên hưng khởi tám loại Tâm thì mới có thể trì Pháp.

Thứ nhất là Tâm Từ Bi, hai là không có Tâm ghen ghét, ba là không có Tâm **Ngã Sở** (cái của ta), bốn là không có Tâm hơn thua, năm là có Tâm bình đẳng, sáu là không có Tâm oán hại, bảy là không có Tâm tham lợi. Người như vậy mới có thể truyền thụ. Nhóm như vậy có thể đồng làm Pháp.

Nếu chẳng phải là điều này, chỉ nên tự làm khiến Pháp được thành.

Nếu biến số chưa kết thúc thì chẳng được giao tiếp nói chuyện với người, khiến cho bị gián đoạn, tức Pháp mất hiệu nghiệm. Lúc chưa làm Pháp thời trước tiên nên thông báo rõ ràng. Nếu tự làm Niệm Tụng cũng đừng để gián đoạn.

_ Hành Giả nếu lúc vào Đạo Trường thời tiếp theo nên chân thành làm lễ. Tức Kim Cương Hợp Chưởng



Chí Tâm tưởng ở trước mặt chư Phật với Văn Thù Đại Thánh, vô lượng Bồ Tát, Kim Cương Mật Tích, tất cả Hiền Thánh ở khắp mười phương, mỗi mỗi tự thânma2 lễ chúng Thánh, lễ khắp tất cả Phật, Bồ Tát, Kim Cương....

Chân Ngôn là:

ॐ 唵 𑖀 𑖄 𑖇 𑖈 𑖉 𑖋 𑖌 𑖍 𑖎 𑖏 𑖐 𑖑 𑖒 𑖓 𑖔 𑖕
𑖖 𑖗 𑖘 𑖙 𑖚 𑖛 𑖜

An (1) tát phộc đát đà nghiệt đa (2) ca gia, phộc hột-tức đa (3) phộc chiết-la, bát-la mai (4) mạn tổ thất-lợi, phộc lật-na nam (5) ca lỗ nhĩ (6)

OM _ SARVA TATHAGÀTA KAYA (?KÀYA) VAKCITA (?VÀK-CITTA)
VAJRA PRAVAI (?PRAÑANÀM) MAMJU'SRÌ DARDANA (?VANDANÀM)
KARA-UMI

_ Lại **Tâm Minh** là:

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ

Om, phộc nhật-la vi ta

OM VAJRA VIH TA (OM VAJRA VIH)

Trước hợp Kim Cương Chưởng

Mười ngón giao bên ngoài

Năm Luân đều sát đất

Chí thành cung kính lễ



_ Lại quỳ thẳng lưng ngồi

Chấp tay tựa sen búp



Quán thân như Thủy Tinh

Chữ **Hồng** (ॠ_ Hùṃ) gia ba chỗ

Tưởng thành chày Ngũ Trí

Ấy là Nội Kim Cương

Mà làm Thể chẳng hoại

Xong chân thành phụng thỉnh

Tất cả các Thánh Tôn

Tụng Kệ bốn câu này.

“Cúi lạy Vô Thượng Pháp Y Vương

Nan Cứu Năng Cứu Từ Bi Chủ

Nay con quy mệnh, cung kính thỉnh

Nguyện xin mau giáng đến Đạo Trường”

Như vậy thỉnh ba lần

_ Trước tiên nói khải bạch

Hai tay, Liên Hoa Hợp



Lại tụng Tịnh Tam Nghiệp

Khiến thân khí trong sạch

Dùng gia trì năm nơi

Trán, hai vai, tim, họng

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ स्व भव व सु धर्म स्व भव व सु धर्म

Ān, sa-phộc bà phộc, thú đà, tát phộc đạt ma sa-phộc bà phộc, thú độ hàm

OM _ SVABHÀVA ‘SUDDHÀ _ SARVA DHARMMA (?DHARMA)

SVABHAVA (?SVABHÀVA) ‘SUDDHA-UHAM

Đã tịnh ba Nghiệp xong

_ Kết Phật Tam Muội Gia

Định Tuệ (2 tay) hợp Liên Chưởng (Liên Hoa Hợp Chưởng)

Dựng hợp hai Hoả (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)

Hai Phong (2 ngón trỏ) co lỏng trên

Hai Không (2 ngón cái) vịn gốc Phong (ngón trỏ)



Nâng Ấn ngang trước trán

Quán kỹ tất cả Phật

Mỗi mỗi thấy rõ ràng

Trụ ngay trong hư không

Niệm Chân Ngôn ấy là:

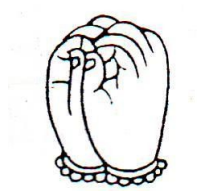
[ॐ तथगत उद्भवया स्वहा]

OM TATHÀGATA UDBHAVÀYA SVÀHÀ]

_ Phật Bộ Tam Muội Gia

Hai tay *Nội Hợp Quyển*

Hai Không (2 ngón cái) đều kèm dựng



Quán kỹ tất cả Phật
 Giống như đối trước mắt
 Tuỳ niệm, triệu thỉnh Tôn
 Nâng hai lần, kèm triệu
 Chân Ngôn là:

ॐ ൓ ൓ ൓ ൓ ൓ ൓ ൓
Ấn (1) nhĩ năng khu ca, sa-phộc hạ
 OM _ JINA JIK _ SVÀHÀ

_ Lại kết **Liên Hoa Bộ**

Bí Mật Tam Muội Gia

Ấn tướng cũng như trước
 Tả (ngón cái trái) vào, Hữu (ngón cái phải) duỗi ra



Ba tụng, ba *triệu thỉnh*
 An bên phải rồi bung
 Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ ൓ ൓ ൓ ൓ ൓ ൓ ൓
Ấn, a lô lực ca, sa-phộc hạ
 OM _ ÀRULIK (? AROLIK) _ SVÀHÀ

_ Lại kết **Kim Cương Bộ**

Vi Diệu Tam Muội Khế

Khế trước, sửa Không Luân (ngón cái)
 Hữu (ngón cái phải) vào, dựng Tả (ngón cái trái), vời



Chuyên Tâm giữ niệm Tôn

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ व्रजधरक स्वहा

Án, phộc nhật-la, địa-lực ca, sa-phộc hạ

OM _ VAJRA-DHRK _ SVÀHÀ

Phật Bộ Ấn ở trán

Liên Hoa bên tai phải

Kim Cương bên tai trái

Đồng bung ở trên đỉnh

_ Tiếp lại, **Bị Giáp Khế**

Đàn Tuệ (2 ngón út) với Giới Phương (2 ngón vô danh)

Cài chéo nhau trong chưởng (lòng bàn tay)

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) cùng hợp đầu

Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như câu (móc câu)

Phụ ngoài sau hai Hoả (2 ngón giữa)

Kèm Thiền Trí (2 ngón cái) dựng thẳng

Giống như **Phộc Chiết La** (Vajra:chày Kim Cương)



Niệm gia thân, năm chỗ

Trán, vai phải, vai trái

Tim, họng, bung đỉnh môn

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ व्रजधरक स्वहा
ॐ व्रजधरक स्वहा

Án, chúc yết-la, miệt lật-để, bát-la xa nhĩ đa, la nại-la, la nại-la, bà sa-ma thương lộ sắt-nê sa, lạc khát-xoa, lạc khát-xoa hàm, hồng, phát tra, sa-phộc ha

OM _ CAKRA-VARTTI PRA'SAMITÀ _ RÀDRÀ RÀDRÀ _ BHASMA SARA UᅀNÌᅀA _ RAKᅀA RAKᅀA MAM _ HÙM PHATᅀ _ SVÀHÀ

_ Tiếp nói **Kim Cương Địa Giới Quyết Ấn**

Tay Định (tay trái) độ Phương (ngón vô danh) Nguyện (ngón giữa)

Đều vào khoảng Giới (ngón vô danh phải) Nhấn (ngón giữa phải)
Phương (ngón vô danh trái) đóng vắt sau Giới (ngón vô danh phải)
Vào khoảng giữa Đàn (ngón út phải) Giới (ngón vô danh phải)
Nguyệt (ngón giữa trái) vắt vào Nhấn (ngón giữa phải) Tiến (ngón trở phải)
Đàn Tuệ (2 ngón út) và Tiến Lực (2 ngón trở)
Thiên Trí (2 ngón cái) đều hợp nhau
Ba lần chuyển, đóng xuống



Liên niệm Chân Ngôn là:

ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)
Án, chỉ lý chỉ lý, phộc nhật-la, phộc nhật-ly bộ phù, mãn đà mãn đà, hồng,

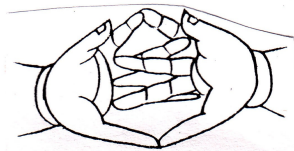
phát tra

OM_ KILI_ VAJRA_ VAJRI_ BHURA_ (?BHUR)_ BANDHA_ BANDHA_ _
HUM_ PHAT

_ Lại nói **Kim Cương Tường Giới Ấn**

Dựa theo Địa Giới Ấn

Mở rộng Thiên Trí (2 ngón cái) dựng



Xoay phải như Tường Viện

Tuỳ theo Tụng mà chuyển

Tâm tưởng Kim Cương Tường (bức tường Kim Cương)

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

Án, tát la tát la, phộc nhật-la, bát-la ca la, hồng, phát tra

OM_ SARA_ SARA_ VAJRA-PRAKARÀ_ HUM_ PHAT

_ Tiếp đến **Hư Không Tạng**

Mười ngón giao bên ngoài

Tiến Lực (2 ngón trở) ép như bấu



Tưởng thành lâu gác đẹp
 Trên có hoa sen lớn
 Tâm quán kỹ Bản Tôn
 Trụ ở trong Trường báu
 Phương, phan, lọng giáp vòng
 Biển mây hương, Thiên Y
 Tràn khắp cả hư không
 Quyển thuộc vây chung quanh
 Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ ण ण ण ण ण ण ण ण ण ण

An, nga nga nãng, tam bà phộc, phộc nhật-la, hộc

OM _ GAGANA SABHÀVA (? SAMBHAVA) VAJRA HOH

_ Tiếp kết **Xa Lộ Ấn**

Định Tuệ (2 tay) ngửa chéo nhau
 Bên phải đè bên trái
 Thiên Trí (2 ngón cái) vịn Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Tận dưới vạch thứ nhất



Xoay chuyển đưa, hướng trước

Tưởng thành xe cộ báu

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ त्रु त्रु त्रु त्रु त्रु

An, đở lỗ, đở lỗ, hồng

OM_ TURU TURU HÙM

Ba biến hoặc bảy biến

Vận tưởng đón Bản Tôn

_ Chẳng giải bỏ Ấn trước

Dời đầu ngón Thiên Trí (2 ngón cái) [*hướng về thân*]
Nâng vịn đầu Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa)



Tưởng Tôn ngồi trên xe
Hương trong ba ngón, bật [*bật đầu ngón giữa*]
Dần đến, giáng Đạo Trường
Trụ ở trong hư không
Đợi thỉnh rồi đến vào
Chẳng ngược **Bản Thệ Nguyệt**

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
ॐ ॐ ॐ ॐ

**Năng mạc tất-để-ly-dã địa-vĩ ca nam, đát tha nghiệt đá nam (1) An, phộc
chiết-lãng kỳ nễ-dã, a yết la-sái dã, sa-phộc hạ**

NAMAḤ STRİYADHVIKÀNÀM TATHÀGATÀNÀM_ OM _
VAJRÀMGINYÀ (? VAJRÀMGNĪYA) ÀKARṢAYA _ SVÀHÀ

Do sức Chân Ngôn này
Vớ kết Khế tương ứng
Hay triệu nơi Bản Tôn
Vớ quyển thuộc còn lại
Giáng lâm đến Đạo Trường
Ban **Nguyệt** cho Hành Nhân

_ Lúc muốn kết **Xa Lộ**

Trước nên tịnh lối đi
Hai tay nâng lò hương
Niệm tu câu bí mật
Tịnh Trữ lối hư không
Sau mới thỉnh Thánh Tôn
Tưởng hương đến **Cung** (Pùra) ấy

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ



ॐ मः समं न वृ हं न कृ म । न (ॐ मः)
ॐ मः न मः । मः । न (ॐ मः)

Năng mặc tam mạn đa một đà nam, hệ hệ, câu ma la ca, vĩ mục cật đế, bát
đà tất-thể đa, sa-ma la sa-ma la, bát-la để chỉ-nhiên, sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHAANĀM_ HE HE KUMARAKA (?
KUMĀRAKA) VIMUKTI PATHĀ STHITA _ SMARA SMARA _ PTARIJÑĀM _
SVĀHĀ

_ Tiếp đến **Bộ Minh Vương**

Tịch Trừ loài gây chướng

Định Tuệ (2 tay) hợp Liên Chướng (Liên Hoa Hợp Chướng)

Thuỷ (ngón vô danh) Phong (ngón trỏ) kèm rữ xuống

Đều vào khoảng trắng đầy (lòng bàn tay)

Không (ngón cái) kèm lia lóng Phong (ngón trỏ)



Ngang Tim, tụng **Minh Cú**

Bảy biến, nâng ngang trán

Chuyển trái, làm **Tịch Trừ**

Xoay phải, thành **Kết Giới**

Tất cả loài gây chướng

Chạy tan không có ngại

Uy Quang như Kiếp Hoả

Giận dữ, rất đáng sợ

Ba mặt, hiện sáu tay

Cầm nắm búa, gậy, bình

Hoa sen với tràng hạt

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ ३ ३ ३ ३ ३ म ५ म ५ रु ३ रु ३ रु ३ रु ५ णि व ३
रु ३

Ấn (1) độ năng độ năng (2) ma đà ma đà (3) năng ha năng ha (4) hạ dã nghĩ-
lý phộc (5) hồng, phát tra

OM _ DHUNA DHUNA _ MATHA MATHA _ HANA HANA _ HAYAGRIVA
HUM PHAT

_ Lại Tâm Minh là:

ॐ म मृ न र व ३ रु ३

Ấn (1) a mật-lật đổ nạp-bà phộc, hồng, phát tra

OM AMRTA-UDBHAVA HUM PHAT SVÀHÀ

Do Chân Ngôn đó nên

Với dùng Ấn gia trì

Hay khiến trừ các Chương

Hành Nhân dùng chút công

Mau đắc được thành tựu

_ Tiếp đến kết **Thượng Phương**

Kim Cương Võng La Khé

Như tướng **Tường Ấn** trước

Mở Không (ngón cái) vịn gốc Phong (ngón trỏ)



An che ngang trên đỉnh

Mật niệm, gia bảy biến

Tuỳ tụng, chuyển bên phải

Ba vòng, nên rõ **Nghi**

Buông chia, hướng dưới rừ

Tướng lưới che chắn Giới

Ngoài **Tường** (bức tường) đến ở đất

Tất cả chẳng thể xuyên

Quán thành như Kim Cương

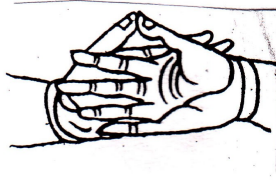
Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ ५ ५ [३ रु व रु ५ ५ ५ ५ ५ ५ ३ रु ३

Ấn, vĩ sa-phổ la nại-lạc khát-xoa, phộc chiết-la, bán nhạ la, hồng, phát tra

OM_ VISPHURAD RAKṢA VAJRA PAMJARA (? PAMJALA) HÙM
PHAT

_ Tiếp đến **Hoả Viện Ấn**



Ghép kín ánh lửa sáng
Giáp vòng, lưới vây ngoài
Kiếp Hoả rực rỡ sáng
Như gió nhiều bên phải
Các Ma ác đáng sợ
Tất cả **Thiết Đồ Lỗ** ('Satru: Oan gia)

Không thể gây não hại
Hành Nhân trụ chắc, quán
Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Ấn (1) a tam mãng nghi-nễ, ha la, hồng, phát tra

OM_ ASAMÀGINI (?ASAMÀṀGNI) HARA HÙM PHAT

Ba biến, hoặc bảy biến

Tướng kỹ làm gia trì

Trong Quán, lửa sáng rực

Sau đó mới xoay chuyển

Lửa động cháy sáng rực

Khiến Pháp luôn luôn thành (vô bất thành: không có gì chẳng thành)

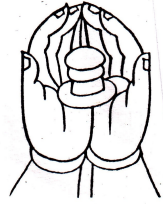
_ Sau bày **Hiến Ất Già** (Argha)

Định Tuệ (2 tay) kèm ngửa mở

Địa (ngón út) Thuỷ (ngón vô danh) Hoả (ngón giữa) hợp ngọn

Phong (ngón trỏ) co như **Thương Khư** ('Saṅkha: vỏ ốc)

Hai Không (2 ngón cái) vịn dưới Phong (ngón trỏ)



Tưởng thành ao mọi báu
 Trong suốt, đáy cát vàng
 Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ म् समन्त बुद्धानाम गगना समा असाम् स्वहं

Năng mạc tam mạn đa một đà nam, nga nga năng, tam ma tam ma, sa-phộc

hạ

ॐ म् समन्त बुद्धानाम गगना समा असाम् स्वहं

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM _ GAGANA SAMA ASAMA _ SVĀHĀ

Ba biển, hoặc bảy biển

Tâm tưởng trong ao báu

Hoa sen, hoa sen nở

Tắm khắp các chúng Thánh

Trước rửa căn Bản Tôn

Tiếp tắm các Hiền Thánh

Lại tắm chúng Thánh Thiên

Khiến Ta tịnh Căn Trần

_ Lại đến **Toà Sư Tử**

Khế ấy bày như sau

Định Tuệ (2 tay) Địa (ngón út) Thuỷ (ngón vô danh) giao

Chéo nhau vào trong chưởng (lòng bàn tay)

Hai Hoả (2 ngón giữa) hợp ngọn dựng

Co Phong (ngón trỏ) vịn hai Không (2 ngón cái)

Kèm Không (2 ngón cái) ngửa phía trước

Giống như thế Sư Tử



Tưởng trên có hoa sen

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ म् बुद्धे र्वायु र्वायु



Phạn Âm tụng lời khen (tán ngôn)

Khiến chúng Thánh vui vẻ

Niệm Mật Ngôn đó là:

ॐ व ॐ ञ म न य न व ॐ ञ म न य व ॐ
ॐ व ॐ ञ म न य न व ॐ ञ म न य व ॐ

An, phộc nhật-la để khát-sấn-noa, ma hạ dạ năng (1) phộc nhật-la cú xá, ma hạ dữ đà (2) mạn tổ thất-lợi, phộc nhật-la, nghiêm tỳ lợi-dã (3) phộc nhật-la, một đê, năng mô suất-dô đê (4)

OM VAJRA-TIKṢṆA (?VAJRA-TĪKṢṆA) MAHĀ-YANA (?MAHĀ-YĀNA)
VAJRA-KO'SA MAHĀ-YADHĀ (?MAHĀ-YUDHA) MAṂJO'SRĪ (?MAṂJU'SRĪ)
VAJRA-GAMBHĪRYA VAJRA-BUDDHE NAMO STUTE

Lại có bài **Đại Tán** bằng chữ Hán:

“*Quy mệnh **Mật Tích Chủ***

Đấng tối phục các Ma

Đông Chân Pháp Vương Tử

*Đủ mọi Hạnh **Phổ Hiền***

*Trụ thân **vốn có** ấy*

Không đầu cuối (vô thủy vô chung), lặng yên

*Điều dụng ban các **Nguyện***

*Giáng Oán **Hại**, ba **Độc***

Sửa Kiếp nên tu hành

Mà ở trong ba cõi (Tam Giới)

*Lại nói **Bí Minh Giáo***

*Vì giúp loài **Hữu Tình***

*Bày môn **Đại Phương Tiện***

*Cứu vớt các **Hàm Linh***

*Khiến vượt vòng **Sinh Tử***

*Từ **Phàm** vào **Phật Địa** (Buddha-bhùmi)”*

Hành Giả nói lời đó

*Khen, vịnh nơi **Bản Tôn***

Chí Tâm tụng ba biển

*Khiến **Đại Thánh** vui vẻ.*

_ Tiếp đến **Thánh Văn Thù**

Thỉnh Triệu Đồng Tử Ấn

Tay Tuệ (tay phải) kết làm quyền

Duỗi Phong (ngón trỏ) như móc câu



Bảy biến, triệu ba lần

Liên nói Chân Ngôn là:

ॐ म् स म् न व व ञ् ञ् क ध य म वं कु र् म् ञ्
कु म् इ शु ष् न

Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) a yết la-sái dā (2) tát tông, củ lỗ, a chỉ-nhiên (3) củ mang la tá (4) sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ ĀKARṢAYA SATVAM (SARVA)
KURU AJÑAM KUMĀRASYA_ SVĀHĀ

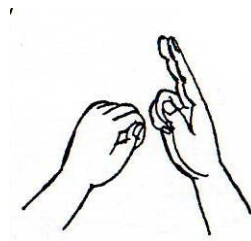
_ Tiếp đến **Kế Thiết Ni**

Tướng Ấn, nói như sau

Trí Tuệ Vũ (Tay phải) nắm quyền

Hoả (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) cùng hợp dựng

Do đồng tiêu tướng **Đao**



Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ म् स म् न व व ञ् न् न् कु म् (१) क र् य कु
न् शु इ शु इ च (१) कु ष् न

Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) hệ hệ, củ mang lý kế (2) na gia chỉ-hoại nan (3) sa-ma la, sa-ma la, bát-la để cát-nhiên, sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HE HE KUMĀRIKE_
DAYĀJÑĀNAM (?DAYĀJÑĀNĀM) SMARA SMAMRA (SMARA)
PRATIÑĀM_ SVĀHĀ

_ Tiếp đến bên phải Tôn

Cứu Hộ Tuệ Đồng Tử

Tay trái: Kim Cương Quyền

Ngồi thẳng, an cạnh eo

Hữu (tay phải) duỗi thẳng năm Luân (5 ngón tay)

Dùng che ngang tim ấy

Tách dựng ở Không Luân (ngón cái)



Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ मः सम न व हं न म न म न म इ च (१) ॐ
ॐ न

Nãng mạc tam mạn đa một đà nam (1) hệ, ma ha ma ha (2) sa-ma la, bát-la
để cát-nhiên, sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM_ HE MAHĀMAHĀ _ SMARA
PRATIÑĀM_ SVĀHĀ

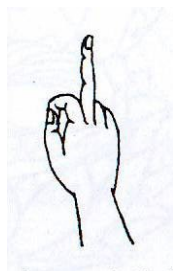
_ Ô Ba Kế Thất Ni

Tay Trí Tuệ (tay phải) nắm quyền

Rồi duỗi thẳng Hoả Luân (ngón giữa)

Phong (ngón trỏ) co lóng giữa

Như đồng tiêu tướng **Kích**



Nói Chân Ngôn ấy là:

ॐ मः सम न व हं न रु ह य ॐ नं रु कु म (१)
ॐ न

Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) tần na dạ chỉ-hoại nan (2) hệ, củ mang lý kế (3) sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM_ BHINDHAYÀ-JÑÀNAM_ HE KUMARIKE (?KUMÀRIKE) _ SVÀHÀ

_ Tiếp đến **Quang Võng Tôn**

Đồng Tử *Nội Quyển Thuộc*

Ấn Khế nói như sau

Tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền

Nâng Phong Luân (ngón trỏ) như câu (móc câu)



Dùng nhiếp các Hàm Thức

Khiến trụ **Địa Giải Thoát** (Vimukti-bhùmi)

Liên nói Chân Ngôn là:

ॐ म् स म् न व व ञ् रु रु कु म् । म् य ण न
ॐ न व ञ् न ॐ न

Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) hệ hệ, củ mang la, mang gia nghiệt đa, sa-phộc bà phộc, tất-thể đá, sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM_ HE HE KUMARA (?KUMÀRA) MAYAGATA (?MÀYÀGATA) _ SVABHÀVA STHITA_ SVÀHÀ

_ Tiếp đến **Địa Tuệ Tràng**

Tiêu xí của *Nội Quyển* (Nội quyển thuộc)

Tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền

Rồi duỗi luân Địa (ngón út) Thuỷ (ngón vô danh)

Dựng thẳng như tướng **phượng**



Nói Mật Ngôn đó là:

ॐ मः म म न व व ङ रु म् । कु न क उ म् न

Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) hệ, sa-ma la (2) chỉ-hoại năng kế đô
(3) sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HE SMARA JÑĀNA-KETU_ SVĀHĀ

_ Tiếp đến Vô Cấu Quang

Cử Mang La Mật Chủ

Tay Tam Muội (tay trái) như trước

Duỗi tất cả Luân (5 ngón) trên

Thả đều hơi co lại



Như ánh sáng thân Phật

Rực lửa chiếu sáng, suốt

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ मः म म न व व ङ रु रु कु म् । व व व न
(ॐ कु म् । म व म् । म् न

Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) hệ hệ, cử mang la, vi chất đất-la,
nghiệt để cử mang la, ma nã, sa-ma la, sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HE HE KUMARA (? KUMĀRA)
VICITRA GATI_ KUMĀRA MANUSMARA_ SVĀHĀ

_ Lại Bất Tư Nghị Tuệ

Tướng Ấn bày như sau

Định Tuệ (2 tay) cài chéo trong

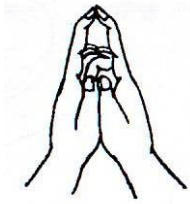
Hợp một làm Quyển Ấn

Hai Phong (2 ngón trỏ) riêng co duỗi

Co lỏng ba, đối nhau

Hợp móng cùng chung lững

Hai Không (2 ngón cái) kèm duỗi thẳng



Tên là **Phụng Giáo Giả**

Lại nói Mật Ngôn là:

ॐ म् म् म् म् ॐ व व ॐ न् न् ॐ व र् य म् म् व
य म् य म् न्

Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) hệ hệ, khẩn chỉ la duệ tử (2) a, vĩ sa-
ma dã ninh duệ (3) sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HE HE _ KIMCIRAYESI (?
KIMCIRĀYASI) AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

_ Bấy giờ người tu hành

An trụ Tâm Từ **Mẫn**

Vì tất cả Hữu Tình

Phát **Đại Hoằng Thệ Nguyện**

Chí thành khởi ân kính

Quán tưởng nơi Bản Tôn

Màu vàng, phóng ánh sáng

Ngồi toà **Sư Tử Vương**

Đài hoa, dựng chày Trí

Đầu: **Bát Kế Trí Tôn**

Sáng tỏ khắp mười phương

Như trước mắt Hành Nhân

Văn Thù Căn Bản Khế

Theo Thầy thọ nhận kín

_ Tiếp nển lấy tràng hạt

Cuộn trong lòng bàn tay

Định Tuệ (2 tay) đều Liên Tướng

Ngang miệng, dùng gia trì

Bí Mật Châu Minh là:

ॐ व र् य म् म् व न्

An, tỳ lô tả năng, ma la, sa-phộc hạ

OM _ VAIRUCANA (?VAIROCANA) MALA (?MĀLA) _ SVĀHĀ

Gia trì bảy biến xong
Xoay chuyển, *tam châu dịch* (?dời chuyển tràng hạt ba lần)
Không (ngón cái) Địa (ngón út) đối niệm Châu
Tuỳ tụng, dời ba vòng
Tụng câu **Bát Tự Minh**
Một ngàn hoặc một vạn
Chữ chữ, hô rõ ràng
Ngồi thẳng, quán kỹ lưỡng
Niệm niệm đừng gián đoạn
Xong số, trụ **Quán Trí**
Kèm **Tam Ma Địa Môn**
Ở ngay trong trắng đây
Bày chữ làm **Chủng Trí**
Hoặc làm **Đại Nhật Quán**
Tròn sáng cũng như thế
Hết thấy các Công Đức
Cho tất cả chúng sinh
Đều được thành Phật Đạo

_ Lại nói việc sai khác
Ba thời, hoặc bốn thời
Không khiến có thoái chuyển
.) Nếu làm **Tức Tai**, nên
Định **đêm** dùng khởi đầu
.) Nếu cầu **Phước Trí Môn**
Sau đêm nên khởi đầu
.) **Giáng Phục** ngay giờ Ngọ
.) **Ái Kính** lúc muốn ngủ
.) **Câu Triệu** đồng lúc trước

_ Niệm xong **Hoàn Châu Khế**
Cũng đồng Pháp **Tất Địa**
Bản Tôn, số dứt xong
Y trước, niệm **Nội Quyển** (Nội Quyển Thuộc)
Tám Tôn, thứ tự cũ
Tán Thán, dâng hương hoa
Át Già, lại phụng hiến
Phát Nguyện kèm Khuyến Thỉnh

Giải Giới dùng Hoả Viện
Phát Khiển Phụng Tống đấy
Ba Bộ lại Hộ Thân
Mặc Giáp, như trước làm
Diệm Man Đức (Yamantaka) hộ vệ
Đại Dao chạm gia trì
Lễ bái chúng Hiền Thánh
Tuỳ ý **Kinh Hành** (Caṅkramana), ra

_ Nếu trụ trong rừng núi
Đâu Đà (Dhùta) ở chỗ vắng (khoáng dã)
Nạn vua gặp ngục tù
Việc đột ngột đáng sợ
Bệnh tật, hoạ Quỷ Thân
Đi đêm tối, sợ hãi
Tu Đạo bị Ma quấy
Nhà đấu tranh chẳng hoà
Các Độc muốn đến hại
Như nhiều loại nạn này
Thường trì **Bát Bí Minh**
Trừ hết mọi điều ác
Ấn Khế, môn sai khác
Thọ nhận kín từ Thầy

_ Nếu tại Mạn Trà La (Đạo Trường)
Đối trước Tôn, thứ tự
Nhấn (cau mày), duỗi, động chi tiết
Hít thở, lay động đầu
Tiếng: nôn, nghẹn, phun, than
Nhổ bọt với ho hắng
Như vậy, các nhóm việc
Chế ngự, đừng kiêu mạn
_ Đại Giáo A Xà Lê
Bậc hành sâu Tuệ khéo
Muốn cầu Đại Tất Địa
Cần phải luôn Hộ Ma
Mỗi, đủ **ba lạng xoa** (30 vạn lần)

Một lần, lửa cúng dường
Nếu được ba Tướng hiện
Nóng ấm, khói, ánh sáng
Trong Đạo phát tiếng lớn
Phạm Âm, Sư Tử Hống
Sấm động, tiếng vi diệu
Tiếng chuông, trống, **Nhã Ca** (ca hát hoà nhã)
Mọi loại âm nói Pháp
Hành Nhân được Tất Địa
Hộ Ma như Giáo Pháp
Vi tế hiểu rõ ràng
Chút phần chẳng tương ứng
Mọi ác đều đến tập
Đủ số ba Câu Chi (ba trăm vạn)
Thường được thấy Văn Thù
Tâm thông Môn Giải Thoát
Trí Tuệ chẳng thể lường
Nguyễn Thế, Xuất Thế Gian
Mong cầu đều đầy đủ

VĂN THÙ BÁT TỰ NGHI QUỸ (Hết)

Trường Khánh, năm thứ tư, tháng tám, ngày 30_ Viện **Đông Tháp**, chùa **Thanh Long**, Trì Niệm Sa Môn **Nghĩa Vân Pháp Kim Cương** cùng với Trung Thiên Tam Tạng **Bồ Đề Tiên** đồng dịch, , vị tặng cầm bút ghi, kết Kệ nhuận văn là **Nghĩa Vân** ghi chép. Đối chiếu sửa chữa ghi chép xong

_ Bát Tự Văn Thù Quỹ, Thập Bát Ấn Khế : hai Bộ hai quyển. Dùng *Điểm Bản* của **Vũ Phủ Linh Vân Khai Sơn TỊNH NGHIÊM** hoà **thượng**, so sánh khảo xét, khắc lên bản gỗ

Thời **Hưởng Bảo**, năm Nhâm Tý, Quý Đông_ Cốc Hoà Châu Phong Sơn Diệu Âm Luân Hạ Sa Môn **Vô Đăng** kính ghi

14/06/2011